

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				15			15		15			55	100		
1	1826617353	NGUYỄN THỊ KIM THU	D18XDD1B	9			9		7			8	8.2	Tám phẩy Hai	
2	1827617327	PHẠM BÁ THẮNG	D18XDD1B	10			5		8			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
3	1827617333	HUỖNH ĐỨC HOÀNG HẢI	D18XDD1B	10			5		7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
4	1827617336	NGUYỄN QUỐC TI	D18XDD1B	6			5		8			5	5.6	Năm phẩy Sáu	
5	1827617337	NGUYỄN QUỐC NHI	D18XDD1B	9.5			5		8			5	6.1	Sáu phẩy Một	
6	1827617338	LÊ ANH TÙNG	D18XDD1B	7.5			5		7			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
7	1827617340	ĐỖ ĐỨC THỊNH	D18XDD1B	10			9		7			6	7.2	Bảy phẩy Hai	
8	1827617350	ĐẶNG THÀNH PHONG	D18XDD1B	8			7		8			4	5.7	Năm phẩy Bảy	
9	1827617358	VŨ HỮU ỨNG	D18XDD1B	10			10		7			5	6.8	Sáu phẩy Tám	
10	1827617359	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	D18XDD1B	10			5		7			5	6.1	Sáu phẩy Một	
11	1827617367	NGUYỄN HOÀNG HÀ	D18XDD1B	9.5			10		8			5	6.9	Sáu phẩy Chín	
12	1827617369	TRẦN VĂN DỤ	D18XDD1B	10			5		8			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
13	1827617370	PHAN ĐĂNG LÂM	D18XDD1B	10			9		8			7	7.9	Bảy phẩy Chín	
14	1827617371	NGUYỄN CÔNG TÚ	D18XDD1B	10			9		8			3	0.0	Không	
15	1827617372	TRINH KHÁNH DƯƠNG	D18XDD1B	8.5			6		9			5	6.3	Sáu phẩy Ba	
16	1827617374	VĂN BÁ HÙNG	D18XDD1B	10			6		6			4	5.5	Năm phẩy Năm	
17	1827617376	HOÀNG MINH PHƯƠNG	D18XDD1B	9			5		8			7	7.2	Bảy phẩy Hai	
18	1827617380	HUỖNH VĂN CỬ	D18XDD1B	9.5			9		8			6	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	1827617383	NGUYỄN NHƯ NGUYỄN	D18XDD1B	9.5			6		8			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
20	1827617385	HOÀNG VIỆT HẢI	D18XDD1B	9			5		8			3	0.0	Không	
21	1827617387	NGUYỄN ĐỨC DUY	D18XDD1B	10			8		8			6	7.2	Bảy phẩy Hai	
22	1827617395	NGUYỄN XUÂN HẠNH	D18XDD1B	8.5			8		8			5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
23	1827617397	THÁI TRƯƠNG DUY MINH	D18XDD1B	8.5			9		7			4	5.9	Năm phẩy Chín	
24	1827617399	NGUYỄN ĐẮC KHÁNG HUY	D18XDD1B	6.5			0		8			4	4.4	Bốn phẩy Bốn	
25	1827617400	NGUYỄN VĂN TRUNG	D18XDD1B	9.5			5		8			5	6.1	Sáu phẩy Một	
26	1827617401	KIỀU QUỐC HÙNG	D18XDD1B	9			5		7			4	5.4	Năm phẩy Bốn	
27	1827617402	NGUYỄN NHẬT TÂN	D18XDD1B	6			5		8			4	5.1	Năm phẩy Một	
28	1827617409	ĐÌNH NGỌC BẢO	D18XDD1B	4			5		8			6	5.9	Năm phẩy Chín	
29	1827617410	NGUYỄN NGỌC SƠN	D18XDD1B	7			5		8			5	5.8	Năm phẩy Tám	
30	1827617411	LÊ ĐÌNH VIỆT LÂM	D18XDD1B	0			0		0			HP	0.0	Không	
31	1827617414	LƯƠNG ANH TÂM	D18XDD1B	9.5			7		7			2	0.0	Không	
32	1827617419	NGUYỄN VĂN QUỐC	D18XDD1B	10			10		8			2	0.0	Không	
33	1827617436	PHẠM VĂN PHONG	D18XDD1B	10			10		7			5	6.8	Sáu phẩy Tám	
34	1827617437	LÊ MINH THANH	D18XDD1B	8.5			10		9			5	6.9	Sáu phẩy Chín	
35	1827617441	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	D18XDD1B	9			9		8			4	6.1	Sáu phẩy Một	
36	1827617443	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	D18XDD1B	5			5		7			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
37	1827617445	NGUYỄN VĂN TÚ	D18XDD1B	8			5		7			3	0.0	Không	
38	1827617447	PHẠM VĂN ĐÔNG	D18XDD1B	10			10		7			4	6.3	Sáu phẩy Ba	
39	1827617453	TRẦN ANH TUẤN	D18XDD1B	10			5		7			5	6.1	Sáu phẩy Một	
40	1827617455	PHAN VĂN ĐÁNG	D18XDD1B	9.5			9		7			5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
41	1826617412	NGUYỄN THỊ NHẢ	D18XDD2B	10			10		7			7	7.9	Bảy phẩy Chín	
42	1827617325	TRẦN VIỆT TOÀN	D18XDD2B	10			7		8			3	0.0	Không	
43	1827617326	HÀ MINH HẢI	D18XDD2B	10			10		7			8	8.5	Tám phẩy Năm	
44	1827617328	NGUYỄN ANH QUÂN	D18XDD2B	10			5		8			5	6.2	Sáu phẩy Hai	

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
45	1827617332	TRẦN NGỌC HOÀNG	D18XDD2B	9.5			10		8			2	0.0	Không		
46	1827617335	NGUYỄN PHẠM NGỌC PHA	D18XDD2B	8.5			9		8			2	0.0	Không		
47	1827617341	VÔ VIỆT CƯỜNG	D18XDD2B	7			5		6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
48	1827617343	NGUYỄN NGỌC HIẾU	D18XDD2B	8			5		8			3	0.0	Không		
49	1827617344	TRẦN MINH TOÀN	D18XDD2B	6			7		8			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
50	1827617355	HUỖNH CHUNG	D18XDD2B	9			5		6			2	0.0	Không		
51	1827617362	NGUYỄN ĐĂNG BẢO LỘC	D18XDD2B	8.5			9		8			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
52	1827617365	NGUYỄN TIẾN DANH	D18XDD2B	10			10		7			4	6.3	Sáu phẩy Ba		
53	1827617377	VÔ VĂN VŨ	D18XDD2B	10			10		8			5.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
54	1827617379	LÊ THANH XUÂN	D18XDD2B	0			0		0			HP	0.0	Không		
55	1827617381	LÊ QUANG KHA	D18XDD2B	8			5		7			5	5.8	Năm phẩy Tám		
56	1827617388	ĐẶNG KIM TỐI	D18XDD2B	7			5		6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
57	1827617389	BÙI VĂN QUỐC	D18XDD2B	8			5		7			7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
58	1827617392	ĐOÀN KIM DUNG	D18XDD2B	7			7		8			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
59	1827617393	LÊ PHƯỚC HẢI	D18XDD2B	10			9		8			4.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
60	1827617396	NGUYỄN XUÂN THỨC	D18XDD2B	10			5		9			3	0.0	Không		
61	1827617403	NGUYỄN HẢI HƯNG	D18XDD2B	9.5			9		7			7.5	8.0	Tám		
62	1827617415	CHÂU HIẾU TRUNG	D18XDD2B	9			5		7			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
63	1827617417	LÊ MINH TUẤN	D18XDD2B	7			10		7			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
64	1827617418	HOÀNG NGUYỄN XUÂN NAM	D18XDD2B	10			7		7			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
65	1827617421	TRẦN VĂN MẠNH	D18XDD2B	10			10		8			5	7.0	Bảy		
66	1827617423	TRƯƠNG SƠN	D18XDD2B	10			5		8			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
67	1827617424	ĐOÀN NGỌC PHƯỚC	D18XDD2B	10			5		6			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
68	1827617425	NGUYỄN HỮU VIỆT	D18XDD2B	9			9		5			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
69	1827617426	PHẠM XUÂN THẮNG	D18XDD2B	9			5		7			7	7.0	Bảy		
70	1827617428	NGUYỄN PHÚ QUÝ	D18XDD2B	0			0		0			HP	0.0	Không		
71	1827617430	PHAN CHÍ LÂM	D18XDD2B	8			5		8			7	7.0	Bảy		
72	1827617433	ĐOÀN LÊ VIỆT ĐỨC	D18XDD2B	9			5		8			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
73	1827617439	NGÔ THANH ĐẠI	D18XDD2B	9			5		8			4	5.5	Năm phẩy Năm		
74	1827617448	TRẦN MINH TOÀN	D18XDD2B	10			7		8			5	6.5	Sáu phẩy Năm		
75	1827617450	NGUYỄN HỮU THỌ	D18XDD2B	10			10		8			5	7.0	Bảy		
76	1827617451	LÊ THIÊN CƯỜNG	D18XDD2B	9			5		8			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
77	1827617452	TRẦN QUỐC LAN	D18XDD2B	9			7		7			3	0.0	Không		
78	1827617456	HUỖNH VĂN LANH	D18XDD2B	9			7		6			5	6.1	Sáu phẩy Một		
79	1826617346	VÔ THỊ ANH THI	D18XDD3B	6			5		8			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
80	1827617324	NGUYỄN DUY ANH MINH	D18XDD3B	8			7		8			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
81	1827617330	HOÀNG KỶ GIANG	D18XDD3B	0			0		0			HP	0.0	Không		
82	1827617331	NGUYỄN TRẦN THANH ĐOÀN	D18XDD3B	10			10		8			7	8.1	Tám phẩy Một		
83	1827617334	MAI HỒNG THỊNH	D18XDD3B	5			9		5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
84	1827617339	VÔ NHẬT HUY	D18XDD3B	9			7		8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
85	1827617342	NGUYỄN KIÊN TÙNG	D18XDD3B	9			5		8			V	0.0	Không		
86	1827617345	LÊ HỒNG THANH	D18XDD3B	5			5		8			V	0.0	Không		
87	1827617348	NGUYỄN VĂN LỘC	D18XDD3B	9			5		9			2	0.0	Không		
88	1827617351	BÙI VIỆT TÂN	D18XDD3B	6			9		5			2	0.0	Không		

Ngày thi: 05/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
89	1827617352	PHẠM THANH	TÂM	D18XDD3B	9			5		8			3	0.0	Không		
90	1827617354	PHAN THÁI	THỤY	D18XDD3B	9			5		8			3	0.0	Không		
91	1827617356	ĐỖ NGUYỄN	LỢI	D18XDD3B	8			5		8			2	0.0	Không		
92	1827617357	VÕ NHƯ	Ý	D18XDD3B	9			7		8			2	0.0	Không		
93	1827617360	NGUYỄN VĂN KIÊN	CƯỜNG	D18XDD3B	8			9		8			3	0.0	Không		
94	1827617361	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	D18XDD3B	10			8		8			4	6.1	Sáu phẩy Một		
95	1827617363	PHAN NHẬT	VŨ	D18XDD3B	8.5			5		8			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
96	1827617364	NGUYỄN CÔNG THẠNH	TÙNG	D18XDD3B	8			6		8			4	5.5	Năm phẩy Năm		
97	1827617373	TRẦN NGỌC ĐỨC	TÂM	D18XDD3B	8			9		7			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
98	1827617378	ĐINH VĂN	TÂM	D18XDD3B	8			5		7			5.5	6.0	Sáu		
99	1827617382	NGUYỄN TẤN	DUY	D18XDD3B	7.5			5		8			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
100	1827617390	ĐINH NHƯ	HIẾU	D18XDD3B	6			5		8			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
101	1827617391	HÀ XUÂN	NINH	D18XDD3B	6			5		8			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
102	1827617394	NGÔ HỮU	KHÁNH	D18XDD3B	9.5			5		7			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
103	1827617404	TRẦN ANH	ĐÀO	D18XDD3B	4			5		5			4	4.3	Bốn phẩy Ba		
104	1827617405	DOÃN PHƯỚC	THÀNH	D18XDD3B	7			5		7			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
105	1827617406	LÊ QUANG	THẠNH	D18XDD3B	7			5		8			5.5	6.0	Sáu		
106	1827617413	HOÀNG MINH	DƯƠNG	D18XDD3B	8			5		8			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
107	1827617416	CAO TẤN	TÀI	D18XDD3B	9			5		8			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
108	1827617427	TRẦN THANH	VINH	D18XDD3B	6			5		8			2	0.0	Không		
109	1827617432	DƯƠNG VĂN	SÁU	D18XDD3B	8			5		9			4	5.5	Năm phẩy Năm		
110	1827617434	BÙI ĐỨC	HẢI	D18XDD3B	10			5		8			2.5	0.0	Không		
111	1827617438	NGUYỄN QUỲNH	TRIN	D18XDD3B	8			5		9			3	0.0	Không		
112	1827617440	NGUYỄN ĐỨC	THỜI	D18XDD3B	8			5		8			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
113	1827617442	TRẦN VĂN	NGỘ	D18XDD3B	9			5		8			2	0.0	Không		
114	1827617444	TRẦN ĐÌNH	CÔNG	D18XDD3B	8.5			5		8			3	0.0	Không		
115	1827617446	TRẦN MINH	XUÂN	D18XDD3B	8			5		8			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
116	1827617449	LÊ TRỌNG	DƯƠNG	D18XDD3B	7			5		8			5	5.8	Năm phẩy Tám		
117	179213597	NGUYỄN VĂN	KIỀU	D18XDD3B	7.5			5		8			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
118	169211495	DƯƠNG QUỐC	HOÀNG	D18XDD3B	0			0		0			V	0.0	Không		
119	0364	DƯƠNG TẤN	ĐÔNG	K11XDD	9			5		6			5	6.0	Sáu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	88	74%	
2	Số sinh viên nợ	31	26%	
TỔNG CỘNG :		119	100%	

LẬP BẢNG KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tân Trương Văn Tâm ThS. Nguyễn Quốc Lâm ThS. Nguyễn Ân

9h30

HỌC PHÍ

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

S

D

D

D

9h30

HỌC PHÍ

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

D

S

ĐA KCBTCT, CKC2, VLXDNC

39781DT

BẢNG THỐNG KÊ								
C	T	K	V	H	G	CN	N	E
114	0	0	113	0	114	0	0	112